

NÂNG HẠNG TTCK VIỆT NAM – CẬP NHẬT NHANH

FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam



I Tiến trình nâng hạng TTCK Việt Nam

- Kỳ đánh giá phân loại thị trường tháng 03/2026 và một số lưu ý quan trọng
- Lịch sử nâng hạng các quốc gia của FTSE từ 2008 - 2026
- Sự dịch chuyển phân hạng thị trường dự kiến của các Quốc gia trong 2026
- Việt Nam và các nước châu Á khi được nâng hạng lên thị trường mới nổi sơ cấp
- Tiến trình nâng hạng TTCK Việt Nam và quy mô dòng vốn ngoại dự kiến

II Dòng vốn nâng hạng

- Mốc thời gian cần lưu ý trong tiến trình chuyển đổi nâng hạng FTSE
- Lộ trình và tỷ lệ giải ngân
- Dự kiến dòng tiền phân bổ 32 cổ phiếu ước tính theo 04 chặng chuyển đổi
- Một số lưu ý liên quan đến bộ chỉ số FTSE Emerging

03 III PHỤ LỤC

- 04 Một số nghiên cứu, báo cáo khác tham khảo 16
- 05 Phân loại thị trường của MSCI, FTSE Russell, S&P Global 17
- 06 Việt Nam và Saudi Arabia trong tiến trình hướng đến mục tiêu nâng hạng TTCK 18
- 07 Tiếp tục cải cách hướng đến chuyển đổi nâng hạng FTSE Russell và tầm nhìn đến 2030 19
- 08 Cơ quan quản lý xúc tiến làm việc với các tổ chức quốc tế và lộ trình thực hiện CCP 20
- 09 Một số nội dung đáng chú ý của Thông tư 08/2026/TT-BTC 21
- 10 Bảng đánh giá các điều kiện theo phân loại của FTSE đối với các quốc gia châu Á (T09/2025) 22
- 11 Phân loại các bộ chỉ số đầu tư của FTSE GEIS (FTSE Global Equity Index Series) 23
- 12 Chi tiết đánh giá tháng 03/2026 của FTSE về Việt Nam 24
- 13 Danh mục tỷ trọng của các Quốc gia trong rổ chỉ số FTSE Emerging và FTSE Frontier 26

Phụ trách nội dung



Mr. Vu Viet Anh
Analyst

12 yrs+

Macro - Market

anhvv@bsc.com.vn



Ms. Nguyen Giang Anh
Analyst

4 yrs+

Macro - Market

anhng@bsc.com.vn

EMERGING MARKETS



**FTSE
RUSSELL**
An LSEG Business



MSCI



Tiến trình nâng hạng TTCK Việt Nam

Ban quản trị chỉ số FTSE Russell hài lòng với tiến độ thực hiện mô hình môi giới toàn cầu (global broker), vốn rất cần thiết để hỗ trợ sao chép chỉ số, và do đó Việt Nam vẫn nằm trong kế hoạch chuyển đổi từ thị trường mới nổi cấp cận biên sang thị trường mới nổi cấp hai, có hiệu lực từ thứ Hai ngày 21/09/2026

Giải quyết vấn đề “global-broker”

- Thông tư 08 chính thức thiết lập mô hình và giới thiệu các cải tiến hỗ trợ cho khung cơ chế không yêu cầu ký quỹ trước (NPF)
- Phần việc còn lại hiện đang tập trung vào việc hoàn tất các thỏa thuận song phương giữa các công ty môi giới quốc tế và địa phương.



Chặng chuyển đổi

- Để hỗ trợ quá trình chuyển đổi một cách có trật tự và phù hợp với năng lực của thị trường nội địa, việc đưa Việt Nam vào các chỉ số chứng khoán toàn cầu của FTSE Russell sẽ được thực hiện qua nhiều đợt (tranches)
- Lộ trình này sẽ bắt đầu từ T09/2026 và kết thúc vào 2027

Một số nhận xét đáng chú ý của FTSE về TTCK Việt Nam

Cập nhật tài liệu FAQ v1.1

- Việc loại bỏ Việt Nam khỏi Bộ chỉ số FTSE Frontier Index Series sẽ được thực hiện trong một đợt duy nhất
- Việc đưa Việt Nam vào Bộ chỉ số Chứng khoán Toàn cầu (FTSE GEIS) và các chỉ số liên quan sẽ bắt đầu cùng với kỳ đánh giá bán niên tháng 9 năm 2026 của FTSE GEIS, có hiệu lực từ khi mở cửa phiên giao dịch Thứ Hai, ngày 21 tháng 9 năm 2026

Mục đích “interim review”

- Xác nhận rằng Việt Nam đáp ứng các yêu cầu để tái phân loại từ thị trường Cận biên sang Mới nổi Thứ cấp từ tháng 9 năm 2026
- Công bố chi tiết tỷ lệ 04 chặng chuyển đổi:
 - Lần 1: 10% vào 21/09/2026
 - Lần 2: 20% vào 22/03/2027
 - Lần 3: 35% vào 21/06/2027
 - Lần 4: 35% vào 20/09/2027

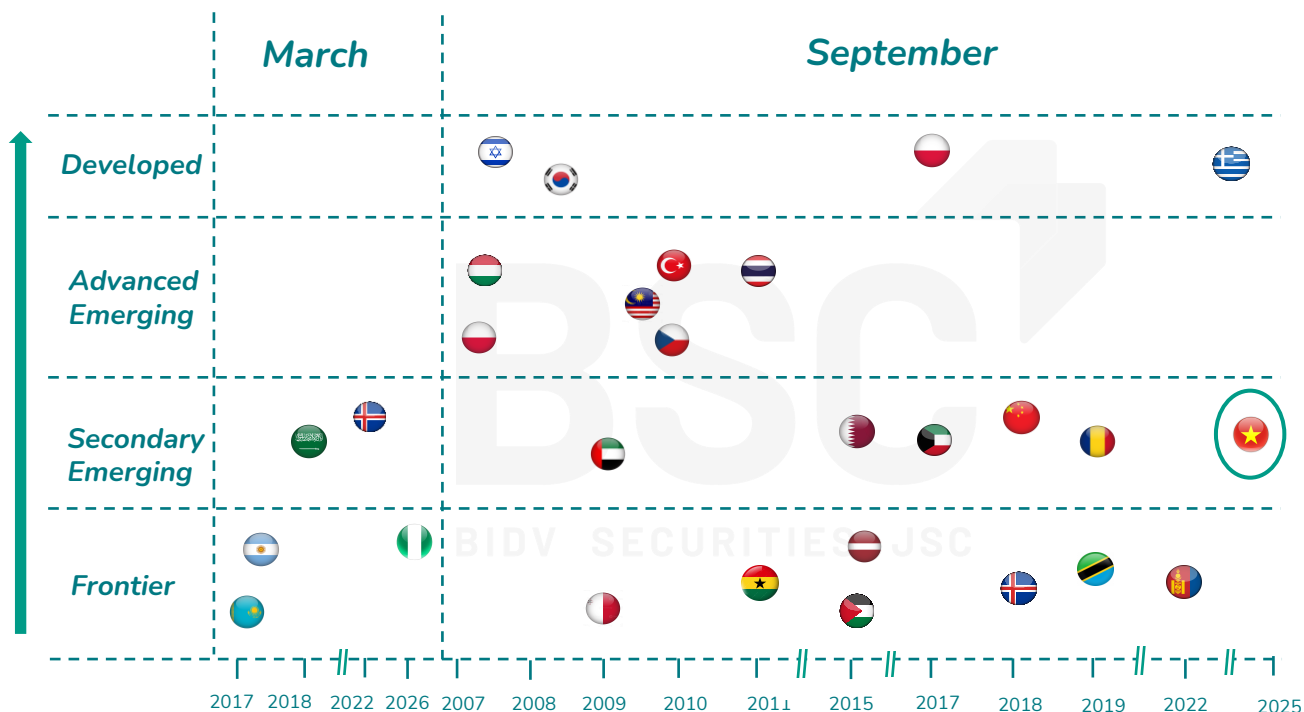
Nguồn: CTCK BIDV (BSC) tổng hợp từ FTSE

32 cổ phiếu tiềm năng theo đánh giá của FTSE (Dữ liệu tại ngày 31/12/2025)

TT	Tên công ty	Mã CK	Sàn	Phân loại quy mô
1	Hoa Phat Group JSC	HPG	HSX	Large
2	Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB	HSX	Large
3	Bank for Investment and Development of Vietnam	BID	HSX	Large
4	Vinhomes	VHM	HSX	Large
5	Vingroup JSC	VIC	HSX	Large
6	Masan Group Corp.	MSN	HSX	Mid
7	Saigon Beer Alcohol Beverage	SAB	HSX	Mid
8	FPT	FPT	HSX	Mid
9	Vietnam Dairy Products JSC	VNM	HSX	Mid
10	SSI Securities	SSI	HSX	Small
11	Petrovietnam Fertilizer & Chemical JSC	DPM	HSX	Small
12	Kinhbac City Development Share Holding Corp	KBC	HSX	Small
13	Tasco	HUT	HNX	Small
14	Saigon-Hanoi Commercial Bank	SHB	HSX	Small
15	Development Investment Construction JSC	DIG	HSX	Small
16	Vietnam Export Import Commercial JSB	EIB	HSX	Small
17	Dat Xanh Group	DXG	HSX	Small
18	Khang Dien House Trading & Investment	KDH	HSX	Small
19	VIX Securities	VIX	HSX	Small
20	VNDirect Securities JSC	VND	HSX	Small
21	Phat Dat Real Estate Development	PDR	HSX	Small
22	Ducgiang Chemicals & Detergent Powder	DGC	HSX	Small
23	No Va Land Investment Group	NVL	HSX	Small
24	VietJet Aviation	VJC	HSX	Small
25	Viet Capital Securities	VCI	HSX	Small
26	Vincom Retail	VRE	HSX	Small
27	Vietnam Electrical Equipment	GEX	HSX	Small
28	FPT Digital Retail	FRT	HSX	Small
29	GELEX Electric	GEE	HSX	Small
30	Binh Son Refining and Petrochemical	BSR	HSX	Small
31	Kinh Do JSC	KDC	HSX	Small
32	SaiGon Thuong Tin Commercial JSB	STB	HSX	Small

FTSE cũng đã công bố tỷ trọng dự kiến của các cổ phiếu Việt Nam trong 04 bộ chỉ số chính, cụ thể: FTSE Global All Cap (0.037%); FTSE Emerging All Cap (0.35%); FTSE All-World (0.024%) và FTSE Emerging (0.227%). Lưu ý dữ liệu FTSE sử dụng tại ngày 27/03/2026 để ước tính tỷ trọng này

FTSE nâng hạng 28 lần cho 26 quốc gia trong 19 năm



Bảng tổng hợp 28 lần nâng hạng và các mốc thời gian

Phân loại	Quốc gia	Chấp thuận nâng hạng	Chính thức có hiệu lực	Thời gian*
Develop	Israel	T09/2007	T09/2008	
	South Korean	T09/2008	T09/2009	1 năm
	Poland	T09/2017	T09/2018	
	Greece	T09/2025	T09/2026	
Advanced Emerging	Hungary	T09/2007	T09/2008	
	Poland	T09/2007	T09/2008	
	Czech Republic			1 năm
	Malaysia	T09/2010	T09/2011	
	Turkey			
Secondary Emerging	Thailand	T09/2011	T03/2012	6 tháng
	UAE	T09/2009	T09/2010	
	Qatar	T09/2015	T09/2016	1 năm
	Kuwait	T09/2017	T09/2018	
	Saudi Arabia	T03/2018	T03/2019	
	China A	T09/2018	T06/2019	9 tháng
	Romania	T09/2019	T09/2020	1 năm
	Iceland	T03/2022	T09/2022	6 tháng
	Việt Nam	T09/2025	T09/2026	1 năm
	Frontier	Malta	T09/2009	T09/2010
Ghana		T09/2011	T06/2012	9 tháng
Latvia		T09/2015	T09/2016	1 năm
Palestine				
Argentina		T03/2017	T09/2017	6 tháng
Kazakhstan				
Iceland		T09/2018	T09/2019	
Tanzania		T09/2019	T09/2020	1 năm
Mongolia		T09/2022	T09/2023	
Nigeria		T03/2026	T09/2026	6 tháng

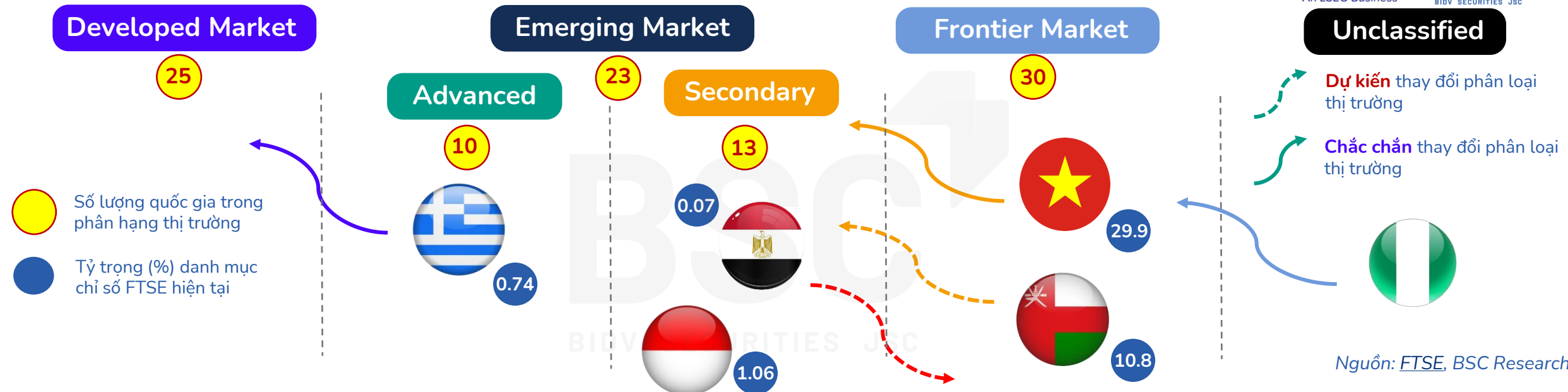
BSC Research nhận xét:

- Từ 2008 – 2025 xét cả trường hợp Hy Lạp và Việt Nam vừa được công bố vào T10/2025 FTSE đã ra thông báo nâng hạng tổng cộng 28 lần áp dụng cho 26 quốc gia.
- Trường hợp mới nhất ngoài Việt Nam, Hy Lạp là Nigeria. Theo thông báo vào T03/2026 Nigeria cũng đã được FTSE nâng hạng từ “Không phân loại” lên phân loại “Frontier”
- **Việt Nam sẽ được thêm vào FTSE GEIS và các chỉ số liên quan thông qua quy trình triển khai phân kỳ gồm 04 đợt, bắt đầu từ tháng 9 năm 2026 và kết thúc vào tháng 9 năm 2027.** Phương pháp phân kỳ này được thiết kế để đảm bảo quá trình chuyển đổi thị trường diễn ra trật tự, quản lý dòng vốn vào dự kiến, đồng thời hỗ trợ nguồn vốn không yêu cầu ký quỹ trước (NPF) và thanh khoản đầy đủ trong suốt quá trình đưa vào chỉ số.

Sự chuyển dịch phân hạng thị trường dự kiến của các Quốc gia trong 2026



FTSE RUSSELL
An LSEG Business



Nguồn: FTSE, BSC Research

Nhận xét đang chú ý đối với các Quốc gia có khả năng thay đổi phân hạng thị trường trong 2026:

- **Việt Nam, Hy Lạp và Nigeria** chính thức nâng hạng, quá trình chuyển đổi sẽ bắt đầu vào tháng 09/2026.
- **Nigeria:** Trước đó, quốc gia này đã bị hạ xuống bậc "Unclassified" vào T09/2023 liên quan đến vấn đề luân chuyển dòng vốn cho các NĐT tổ chức nước ngoài và khả năng thực thi trong vấn đề ngoại hối. **FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng Nigeria lên trạng thái thị trường Cận biên (Frontier market), có hiệu lực từ khi mở cửa phiên giao dịch thứ Hai, ngày 21/09/2026.**
- **Ai Cập: Có khả năng bị hạ bậc thị trường từ Secondary Emerging xuống Frontier** bởi nguyên nhân: không đáp ứng yêu cầu về số lượng chứng khoán tối thiểu đáp ứng các điều kiện của FTSE trong các bộ chỉ số đầu tư toàn cầu. Mặc dù dữ liệu cuối năm 2025 vẫn chưa đạt yêu cầu, nhưng các cải cách kinh tế gần đây và nỗ lực từ Sở Giao dịch Chứng khoán Ai Cập đã giúp cải thiện thanh khoản. **FTSE sẽ tiếp tục đánh giá dựa trên dữ liệu chốt ngày 30/06/2026 và tiếp tục giữ Ai Cập trong Danh sách theo dõi để xem xét hạ bậc.**
- **Oman:** đáp ứng đủ 9 tiêu chí về chất lượng để đạt trạng thái thị trường Secondary Emerging, tuy nhiên, **thị trường này vẫn chưa đạt yêu cầu tối thiểu về vốn hóa thị trường có thể đầu tư và số lượng chứng khoán (yêu cầu ít nhất 3 mã vốn hóa lớn/vừa và tổng cộng 5 mã thuộc các nhóm Large/Mid/Small Cap).** **FTSE Russell sẽ tiếp tục theo dõi và cung cấp bản cập nhật trong kỳ đánh giá thường niên vào tháng 09/2026.**
- **Indonesia:** Trạng thái Secondary Emerging của Indonesia vẫn giữ nguyên. **FTSE Russell chưa xem xét đưa Indonesia vào danh sách theo dõi và sẽ tiếp tục tham vấn ý kiến từ các bên liên quan trước kỳ đánh giá tháng 06/2026.**







Việt Nam và các nước châu Á khi được nâng hạng lên TTCK mới nổi sơ cấp



FTSE
RUSSELL
An LSEG Business



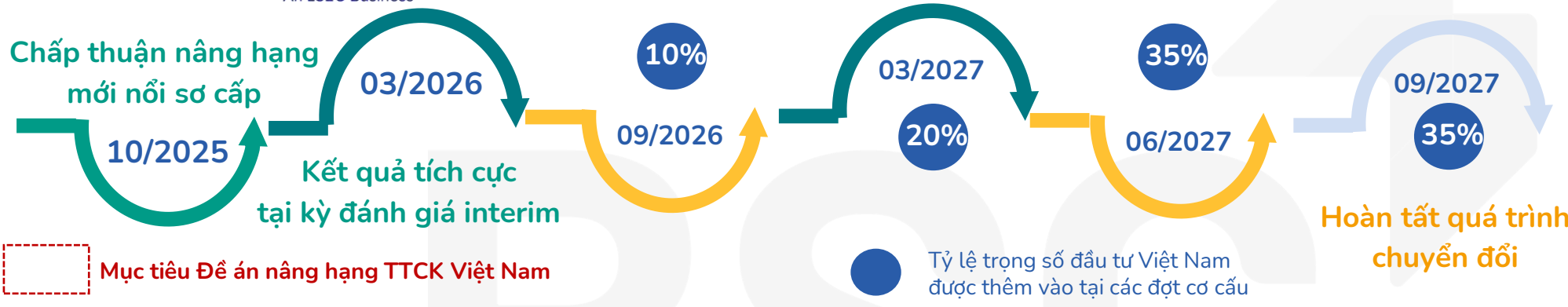
BSC
BIDV SECURITIES JSC

Một số tiêu chí	 Qatar	 Kuwait	 Saudi Arabia	 China A	 UAE	 Vietnam
Vào “Watch list” Secondary FTSE	09/2013	09/2008	09/2015	< 09/2006	09/2008	09/2018
FTSE chấp thuận nâng hạng (T0)	09/2015	09/2017	03/2018	09/2018	09/2010	09/2025 – T03/2026
Thời gian hoàn tất chuyển đổi (T1)	09/2016-03/2017	09/2018-12/2018	03/2019-06/2020	06/2019-06/2020	09/2010	Dự kiến T09/2026- T03/2027
Chi tiết quá trình chuyển đổi	2 chặng 50% vào 09/2016 50% vào 03/2017	2 chặng 50% vào 09/2018 50% vào 12/2018	6 chặng Kéo dài từ 03/2019-06/2020	4 chặng Mỗi đợt 25% từ 06/2019 – 06/2020		04 chặng Kéo dài từ 09/2026-09/2027
Hạng thị trường	Frontier -> Secondary		Unclassified -> Secondary Emerging Market			Frontier -> Secondary
Thời gian từ “Watch list” -> “ FTSE chấp thuận nâng hạng”	02 năm	09 năm	2.5 năm	12 năm	02 năm	7-7.5 năm
Khoảng thời gian từ “Chấp thuận nâng hạng” -> “Bắt đầu có hiệu lực”	01 năm	01 năm	01 năm	09 tháng		01 năm
Tổng thời gian hoàn thành chuyển đổi	06 tháng	03 tháng	15 tháng	12 tháng		12 tháng
Chỉ số tham chiếu	Qatar Exchange	Boursa Kuwait All Share	Tadawul All Share	Shanghai Stock Exchange Composite	FTSE Abu Dhabi	VN-Index

Tiến trình nâng hạng TTCK Việt Nam và quy mô dòng vốn ngoại dự kiến



Bắt đầu quá trình chuyển đổi nâng hạng (áp dụng với các quỹ ETF)



FTSE RUSSELL An LSEG Business
Xem xét chấp thuận nâng hạng mới nổi bậc cao 2026-2030
MSCI

Quy mô dòng vốn ngoại dự kiến

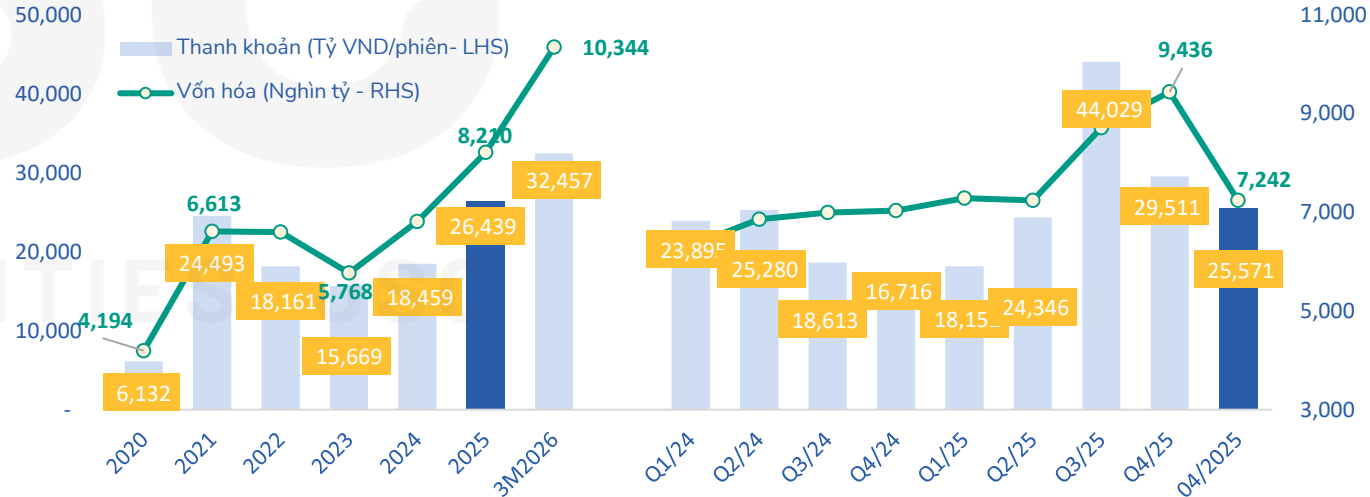


Passive funds: 0.7 – 1.5 tỷ USD
(Active funds dự kiến gấp 5 lần Passive funds)
5 -> 6 tỷ USD

Lưu ý: Quỹ đầu tư trên thế giới có thể sử dụng bộ chỉ số khác do các tổ chức ngoài FTSE cung cấp hoặc theo tiêu chí riêng để đầu tư, do đó quy mô đầu tư thực tế sẽ có thể lớn hơn

Nguồn: Bloomberg, FTSE, BSC Research

Thanh khoản TTCK Việt Nam từ 2020 – 3M2026



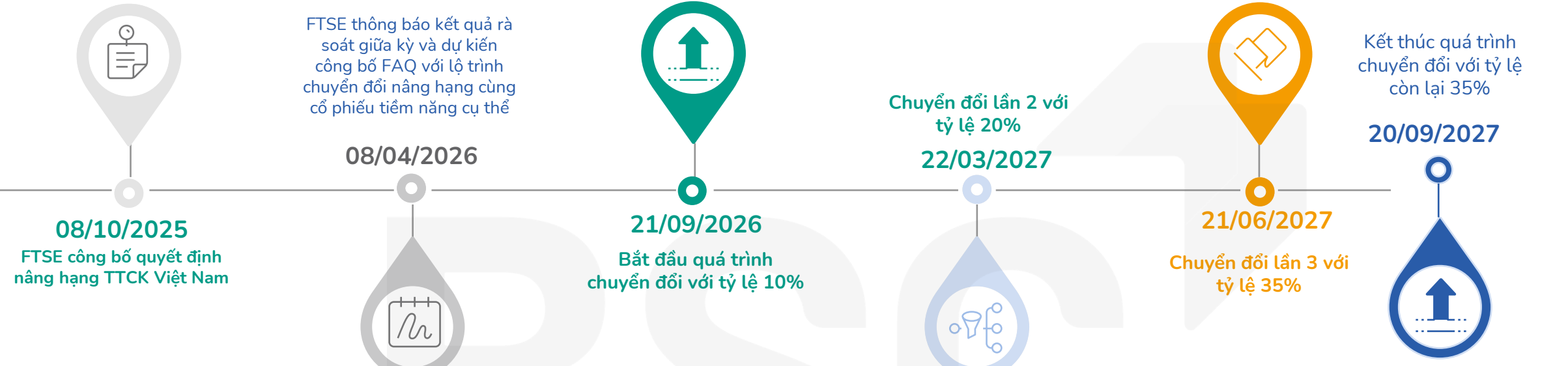
Năm 2024 theo nhận định của Ngân hàng thế giới (WB) nếu TTCK Việt Nam nâng hạng thành công có thể thu hút nguồn vốn mới lên đến **25 tỷ USD**. Mặt khác, GTGD tại thị trường Ả-rập-Xê-út **tăng trên 20 lần** tại thời điểm trước khi nâng hạng lên thị trường mới nổi và sau khi được nâng hạng GTGD còn cao hơn.

Tuy nhiên, TTCK còn động lực tăng trưởng hay không còn phụ thuộc vào bối cảnh từng giai đoạn (CSTT, CSTK, tăng trưởng EPS...) và các cải cách từng quốc gia thực hiện -> Thanh khoản TTCK Việt Nam được kỳ vọng sẽ đạt trung bình **1.3-2.1 tỷ USD/phiên (giai đoạn 2026-2030)** nếu hoàn thành kế hoạch nâng hạng



Dòng vốn nâng hạng

Các mốc thời gian cần lưu ý trong tiến trình chuyển đổi nâng hạng FTSE



Khả năng giảm dần quy mô của ETF Fubon, CSOP (Universe FTSE Frontier Index) > 400tr USD

32 cổ phiếu tiềm năng theo đánh giá, phân loại của FTSE (FAQ v1.1)

Large Cap	Mid Cap	Small Cap

Giai đoạn	Kỳ đánh giá	Ngày bắt đầu hiệu lực	% Giải ngân thêm	Tiến độ hoàn thành chung	Ví dụ Cổ phiếu A (tỷ trọng mục tiêu 49%) - Mua thêm	Ví dụ Cổ phiếu A - Tổng tỷ trọng trong rổ
Đợt 1	Tháng 9/2026	Thứ Hai, 21/09/2026	10%	10%	4.90%	4.90%
Đợt 2	Tháng 3/2027	Thứ Hai, 22/03/2027	20%	30%	9.80%	14.70%
Đợt 3	Tháng 6/2027	Thứ Hai, 21/06/2027	35%	65%	17.15%	31.85%
Đợt 4	Tháng 9/2027	Thứ Hai, 20/09/2027	35%	100%	17.15%	49.00%

Nhận xét:

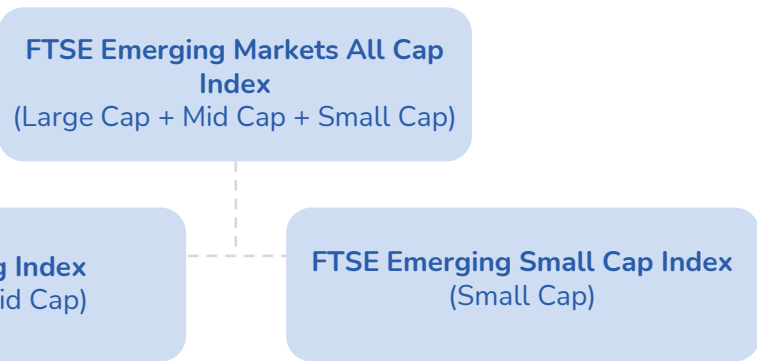
- Giai đoạn 1 (Tháng 9/2026 - 10%):** Đây mang tính chất là bước thử lửa. Tỷ lệ 10% đủ nhỏ để không gây sốc thị trường, đồng thời là cơ hội để các quỹ ngoại kiểm chứng sự trơn tru của hệ thống giao dịch, đặc biệt là cơ chế giao dịch không ký quỹ (Non-Prefunding - NPF) của Việt Nam.
- Giai đoạn 3 & 4 (Tháng 6/2027 và Tháng 9/2027):** Đây là điểm rơi của dòng tiền vĩ mô. 70% khối lượng vốn mục tiêu sẽ được dồn vào 2 quý giữa năm 2027. Điều này cho thấy sự bùng nổ về dòng tiền thụ động sẽ không diễn ra ngay lập tức vào ngày đầu nâng hạng, mà phải mất gần 1 năm sau đó.

Tỷ trọng dự kiến của Việt Nam trong các chỉ số

Chỉ số (Index)	Tỷ trọng dự kiến (%)
FTSE Emerging All Cap	0.350%
FTSE Emerging	0.227%
FTSE Global All Cap	0.037%
FTSE All-World	0.024%

Dự kiến dòng tiền phân bổ 32 cổ phiếu ước tính theo 04 chặng chuyển đổi

STT	Mã	Vốn hóa (Tr.USD)	Vốn hóa freefloat (Tr.USD)	Quy mô vốn hóa	GTGD ước tính GĐ1 (09/2026 - 10%)	GTGD ước tính GĐ2 (03/2027 - 20%)	GTGD ước tính GĐ3 (06/2027 - 35%)	GTGD ước tính GĐ4 (09/2027 - 35%)	Tổng GTGD (Tr.USD)	Link báo cáo
1	VIC	41,961	14,686	Large	48.66	97.32	170.31	170.31	486.60	Link
2	VHM	17,936	5,381	Large	17.83	35.66	62.40	62.40	178.28	Link
3	MSN	4,123	2,474	Mid	8.20	16.39	28.69	28.69	81.97	Link
4	HPG	7,811	2,107	Large	6.98	13.96	24.43	24.43	69.80	Link
5	VNM	4,841	1,936	Mid	6.42	12.83	22.46	22.46	64.16	Link
6	VCB	18,402	1,792	Large	5.94	11.88	20.79	20.79	59.39	Link
7	SSI	2,601	1,776	Small	5.88	11.77	20.60	20.60	58.85	
8	VIX	1,577	1,450	Small	4.80	9.61	16.81	16.81	48.04	
9	VJC	3,673	865	Small	2.87	5.73	10.03	10.03	28.66	
10	VCI	1,185	830	Small	2.75	5.50	9.62	9.62	27.49	
11	VRE	2,226	829	Small	2.75	5.49	9.61	9.61	27.47	Link
12	FPT	4,787	778	Mid	2.58	5.16	9.03	9.03	25.79	
13	STB	4,417	774	Small	2.56	5.13	8.97	8.97	25.64	
14	SHB	2,821	755	Small	2.50	5.00	8.76	8.76	25.02	
15	VND	928	696	Small	2.31	4.61	8.07	8.07	23.05	
16	NVL	1,252	545	Small	1.81	3.61	6.32	6.32	18.05	Link
17	GEX	1,256	540	Small	1.79	3.58	6.26	6.26	17.90	
18	KBC	1,135	451	Small	1.49	2.99	5.23	5.23	14.95	
19	BID	10,892	436	Large	1.44	2.89	5.05	5.05	14.43	
20	EIB	1,563	419	Small	1.39	2.77	4.85	4.85	13.87	
21	BSR	4,782	383	Small	1.27	2.54	4.44	4.44	12.68	Link
22	GEE	2,613	340	Small	1.13	2.25	3.94	3.94	11.25	
23	DGC	782	333	Small	1.10	2.21	3.86	3.86	11.04	
24	HUT	653	313	Small	1.04	2.07	3.63	3.63	10.36	
25	DPM	722	289	Small	0.96	1.91	3.35	3.35	9.56	
26	PDR	595	260	Small	0.86	1.72	3.01	3.01	8.61	
27	SAB	2,145	236	Mid	0.78	1.56	2.74	2.74	7.82	
28	KDH	1,065	228	Small	0.76	1.51	2.65	2.65	7.56	Link
29	DIG	411	191	Small	0.63	1.27	2.22	2.22	6.33	
30	KDC	526	179	Small	0.59	1.18	2.07	2.07	5.92	
31	DXG	587	178	Small	0.59	1.18	2.07	2.07	5.91	
32	FRT	967	156	Small	0.52	1.04	1.81	1.81	5.18	
Tổng					141.16	282.33	494.07	494.07	1,411.63	



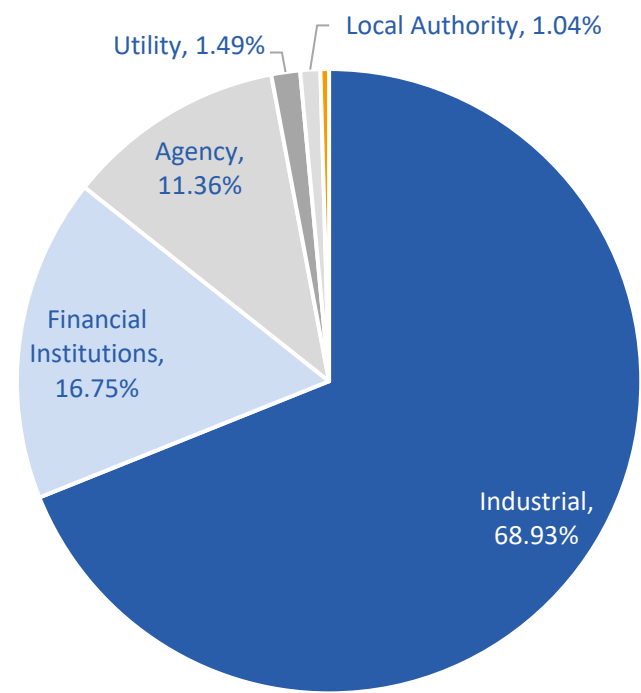
* Ngoài ra còn bộ chỉ số FTSE Emerging Total Cap sẽ bao gồm cả phân loại Micro cap, tuy nhiên hiện nay các quỹ ETF chính phần lớn sử dụng bộ chỉ số FTSE Emerging Markets All cap và FTSE Emerging

Các tiêu chí chung cho chỉ số thị trường Mới nổi

Tiêu chí	Ngưỡng định lượng
Vốn hóa có thể đầu tư	Tối thiểu 150 triệu USD (đối với cổ phiếu mới)
Tỷ lệ Free Float	Lớn hơn 5%
Sàng lọc đầu vào	
Room khối ngoại	Mới: Tối thiểu 20% ; Hiện hữu: Tối thiểu 10%
Thanh khoản	Mới: 0.05% (10/12 tháng) ; Hiện hữu: 0.04% (8/12 tháng)
Giao dịch	< 60 ngày không giao dịch /năm
Phân loại vốn hóa	
Large Cap	Mới: Top 68% ; Hiện hữu: Top 72%
Mid Cap	Mới: 68% - 86% ; Hiện hữu: 68% - 92%
Small Cap	Mới: 86% - 98% ; Hiện hữu: Top 101%

- Phần còn lại (~2% cuối cùng) được coi là nhóm Micro Cap (siêu nhỏ) và thường không được đưa vào chỉ số FTSE Emerging All-Cap (nhưng có thể thuộc chỉ số FTSE Global Total Cap nếu tính cả micro).
- Để giảm thiểu sự biến động thành phần, FTSE áp dụng vùng bộ đệm (buff zones) tại các ngưỡng phân hạng.

Cơ cấu nắm giữ theo ngành



Nguồn: Bloomberg, BSC Research tổng hợp

- **Về dòng vốn khi phân loại thị trường:** Việc phân loại lại không chỉ ảnh hưởng đến quốc gia, **dòng vốn khi tái phân bổ sẽ biến thành một áp lực mua đối với các thành phần còn lại trong chỉ số cũ và một mức độ áp lực bán đối với những thành phần khác trong chỉ số mới:** ví dụ từ 1 quốc gia được nâng hạng từ Frontier lên Emerging thì các cổ phiếu trong rổ chỉ số cũ Frontier nhiều khả năng sẽ được mua khi khoảng trống tỷ trọng của quốc gia được nâng hạng để lại, đồng thời tạo áp lực bán lên các cổ phiếu thuộc rổ Emerging mới.

- **Chiến lược giao dịch tối ưu Alpha xung quanh sự kiện phân hạng thị trường:**
 Tham khảo chi tiết tại báo cáo **“Việt Nam – Đường đến Emerging Market” (Kỳ 2): [Link](#)**

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình thị trường chứng khoán cũng như diễn biến của cổ phiếu NAB. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Khách hàng chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà
Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Bloomberg: RESP BSC ResearchV
<GO>

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660



PHỤ LỤC

A. Báo cáo đánh giá của BSC Research liên quan đến chủ đề nâng hạng TTCK

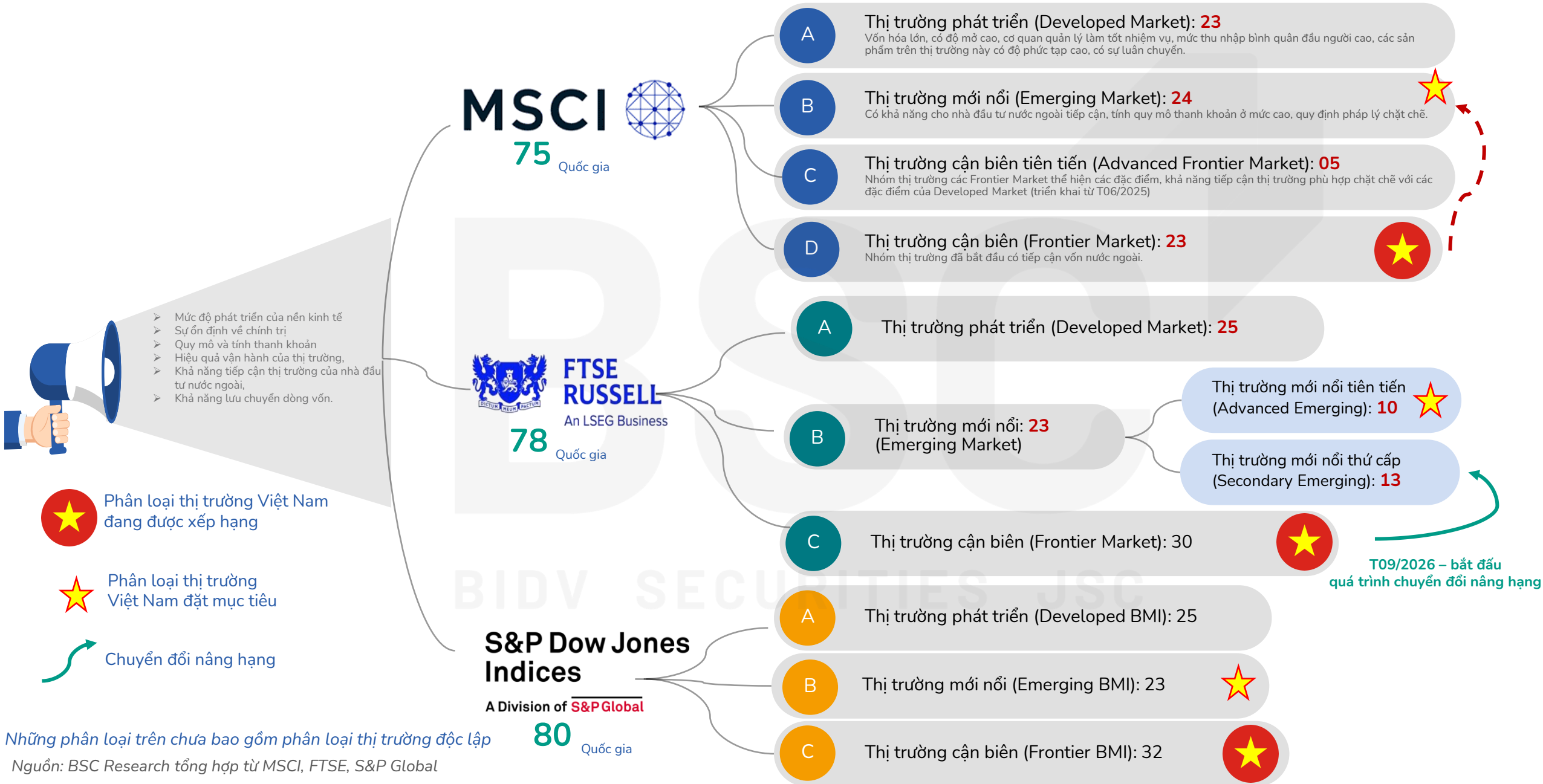
1. Báo cáo nâng hạng TTCK Việt Nam (T03/2024): [Link](#)
2. Báo cáo về thực tế áp dụng “Day-trading” tại một số quốc gia châu Á (T06/2024): [Link](#)
3. Báo cáo đặc biệt về “Nâng cấp hạ tầng công nghệ TTCK Việt Nam” (T03/2025): [Link](#)
4. Báo cáo đặc biệt - “Việt Nam – Đường đến Emerging Market”: [Kỳ 1 \(T03/2025\)](#); [Kỳ 2 \(T06/2025\)](#); [Kỳ 3 \(T10/2025\)](#)

B. Báo cáo đặc biệt của BSC Research liên quan đến các chủ đề đáng chú ý khác

1. Biến động giá dầu trong các cuộc khủng hoảng (T03/2022): [Link](#)
2. Báo cáo Trung Quốc mở cửa (T12/2022): [Link](#)
3. Đầu tư công: [Kỳ 1 \(T12/2020\)](#); [Kỳ 2 \(T09/2021\)](#); [Kỳ 3 \(T02/2022\)](#); [Kỳ 4 \(T02/2023\)](#); [Kỳ 5 \(2024\)](#)
4. Hoạt động hút ròng Tín phiếu của NHNN và TTCK Việt Nam: [Kỳ 1 \(T09/2023\)](#) – [Link](#); [Kỳ 2 \(T03/2024\)](#) – [Link](#)
5. Tác động của tỷ giá đến lợi nhuận của doanh nghiệp trong 1H2024: [Link](#)
6. Áp thuế chống bán phá giá thép mạ nhập khẩu từ Trung Quốc (T07/2024): [Link](#)
7. Tác động từ thuế đối ứng của Mỹ đến Việt Nam (T04/2025): [Link](#)
8. “Market Waves” Làn sóng IPO và các thương vụ đáng chú ý trên TTCK Việt Nam: [Kỳ 1 \(T12/2025\)](#), [Kỳ 2 \(T01/2026\)](#)

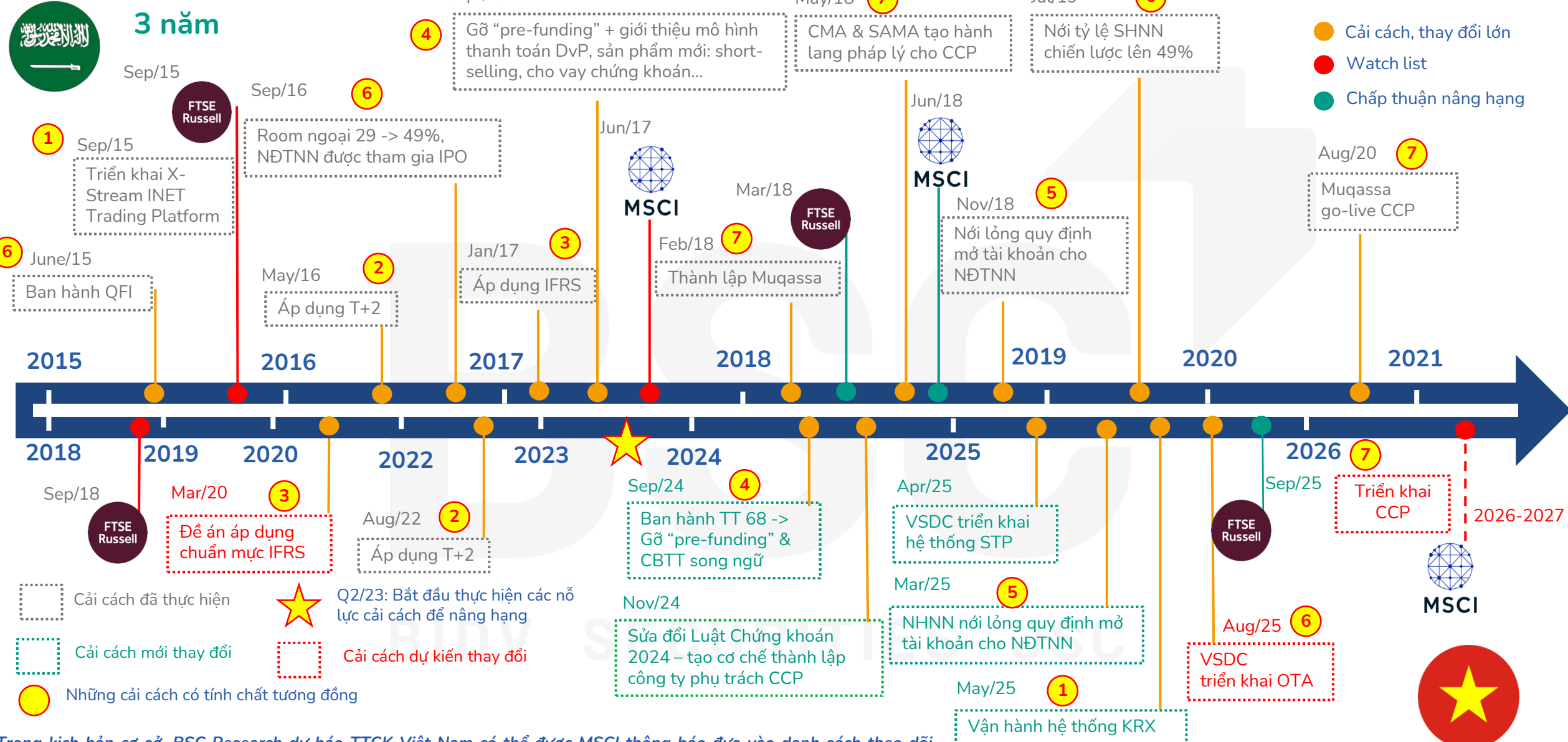
C. Báo cáo Vĩ mô khác & nhóm Ngành, Doanh nghiệp

1. Báo cáo Vĩ mô thị trường 2026: Đường dài mới biết ngựa hay: [Link](#); Cập nhật dự báo trong bối cảnh căng thẳng tại Trung Đông: [Link](#)
2. Báo cáo Chiến lược 2026F: Kỷ nguyên tăng trưởng mới – Sóng lớn hóa Rồng: [T12/2025](#); cập nhật [T03/2026](#)



Những phân loại trên chưa bao gồm phân loại thị trường độc lập
 Nguồn: BSC Research tổng hợp từ MSCI, FTSE, S&P Global

Việt Nam và Saudi Arabia trong tiến trình hướng đến mục tiêu nâng hạng TTCK

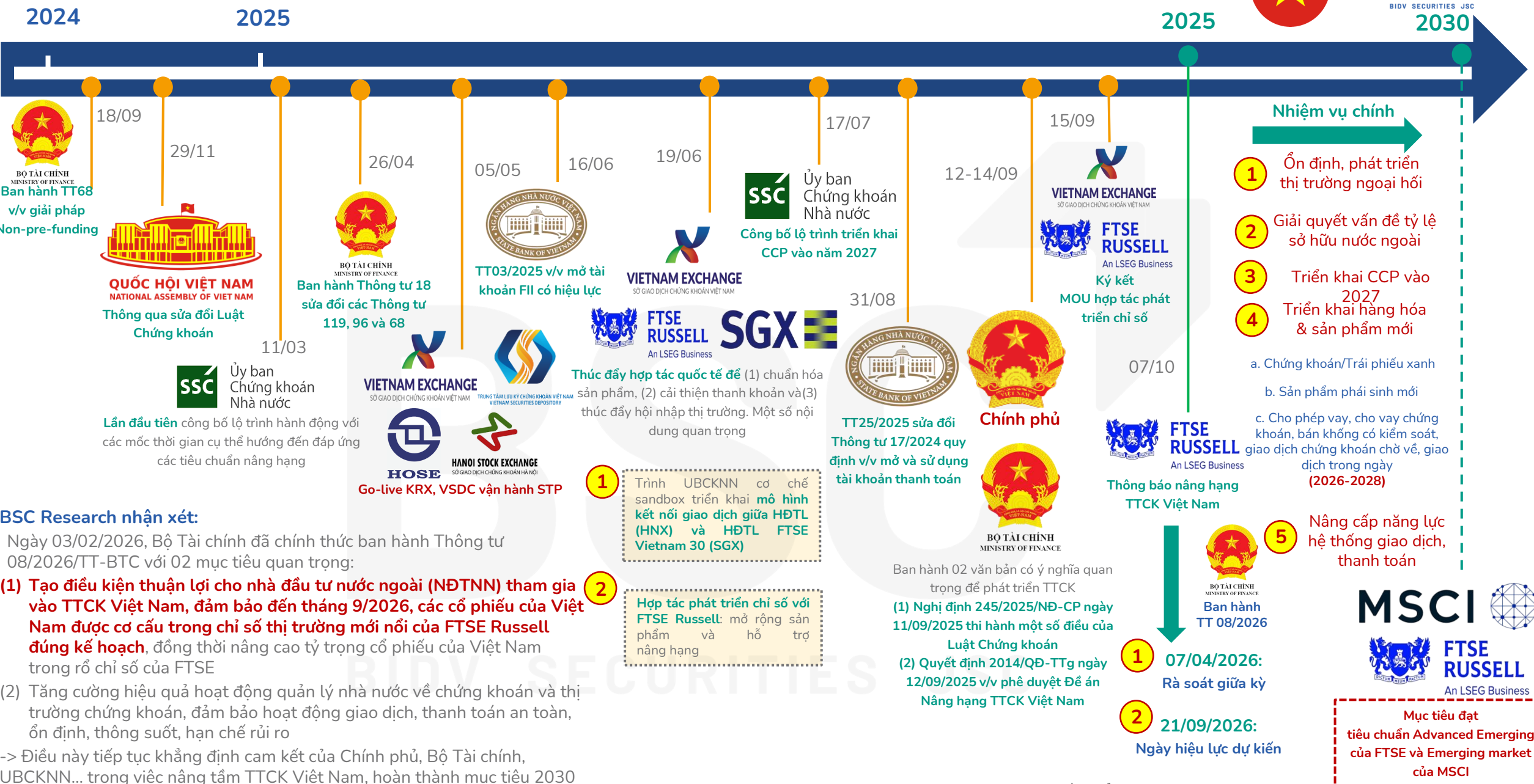


Trong kịch bản cơ sở, BSC Research dự báo TTCK Việt Nam có thể được MSCI thông báo đưa vào danh sách theo dõi (Watch-list) trong giai đoạn 2026-2027. Theo lịch sử, trung bình 01 quốc gia cần cần 02-03 năm để được MSCI chấp thuận nâng hạng kể từ khi đưa vào Watch-list với điều kiện các quốc gia này nghiêm túc thực hiện các cải cách và cam kết



7 năm

Tiếp tục cải cách hướng đến chuyển đổi nâng hạng FTSE Russell và tầm nhìn đến 2030



BSC Research nhận xét:

Ngày 03/02/2026, Bộ Tài chính đã chính thức ban hành Thông tư 08/2026/TT-BTC với 02 mục tiêu quan trọng:

- (1) Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) tham gia vào TTCK Việt Nam, đảm bảo đến tháng 9/2026, các cổ phiếu của Việt Nam được cơ cấu trong chỉ số thị trường mới nổi của FTSE Russell đúng kế hoạch, đồng thời nâng cao tỷ trọng cổ phiếu của Việt Nam trong rổ chỉ số của FTSE**
- (2) Tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán, đảm bảo hoạt động giao dịch, thanh toán an toàn, ổn định, thông suốt, hạn chế rủi ro**

-> Điều này tiếp tục khẳng định cam kết của Chính phủ, Bộ Tài chính, UBCKNN... trong việc nâng tầm TTCK Việt Nam, hoàn thành mục tiêu 2030

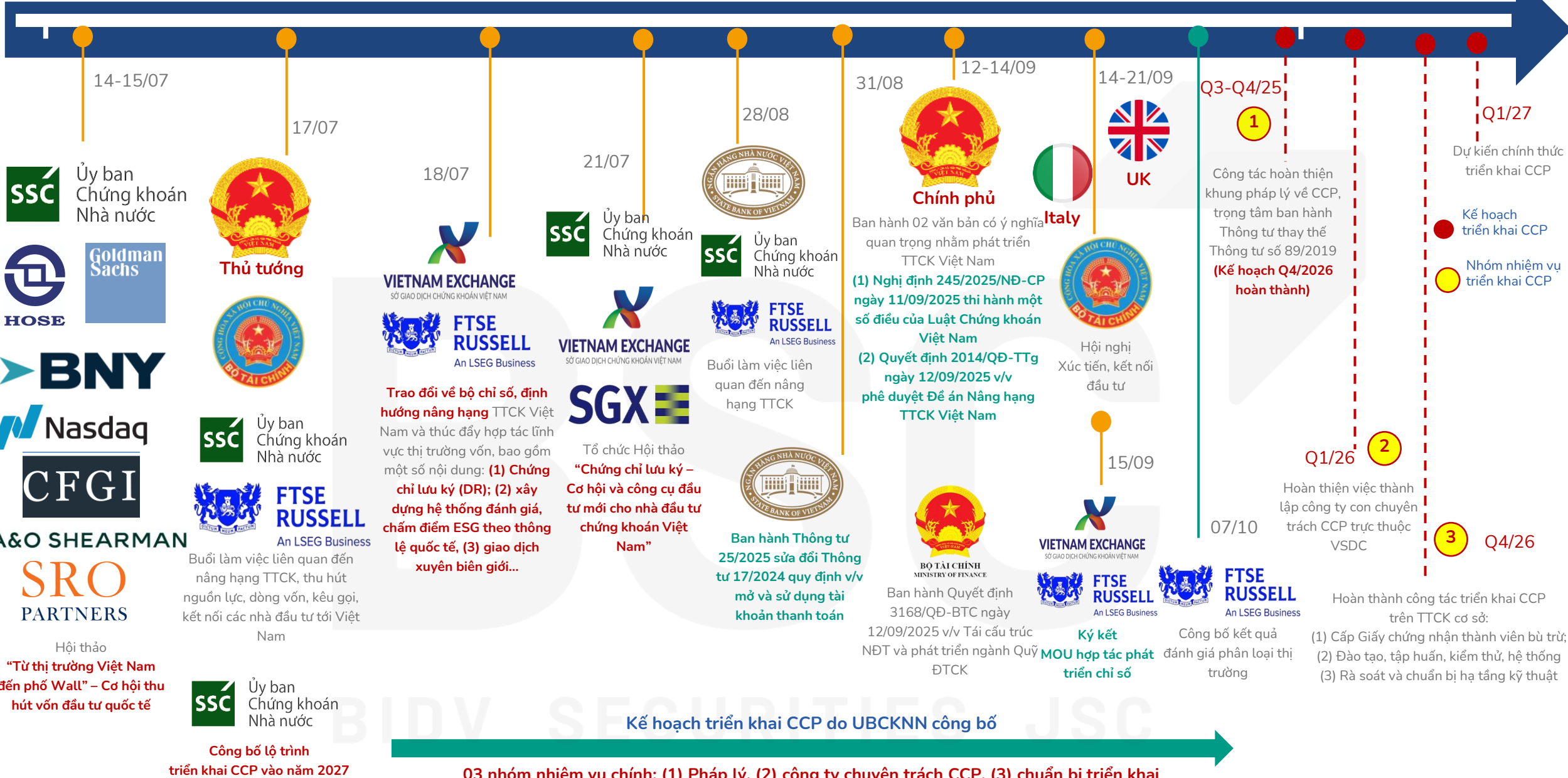


Cơ quan quản lý xúc tiến làm việc với các tổ chức quốc tế và lộ trình thực hiện CCP



2025

2026 ->



Nguồn: UBCKNN, Tổng hợp, BSC Research



Trách nhiệm phối hợp thực hiện phong tỏa, giải tỏa, chuyển quyền sở hữu cổ phiếu để CTCK có thể thu hồi các khoản chi phí phát sinh mà CTCK đã thanh toán thay NĐTNN là tổ chức

Cho phép NĐTNN thông qua các tổ chức môi giới toàn cầu để đặt lệnh giao dịch chứng khoán tới các CTCK trong nước mà không phải mở tài khoản giao dịch cho NĐTNN tại các CTCK trong nước
-> Không phát sinh thêm việc ký hợp đồng với CTCK trong nước; giảm thời gian, quy trình... đối với các quỹ lớn tham gia giao dịch

Bổ sung thêm cách thức giao dịch mới

Luồng giao dịch và bổ sung quy định cho Quỹ ĐTCK nước ngoài

- (1) NĐTNN vẫn đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại các TVLK
- (2) Tiền và chứng khoán sau khi được VSDC, ngân hàng thanh toán thanh toán cho TVLK, TVLK sẽ phân bổ vào tài khoản lưu ký của NĐTNN mở tại TVLK
- (3) Quỹ ĐTCK nước ngoài được phép mở 02 tài khoản giao dịch chứng khoán: (i) của chính công ty và (ii) quản lý giao dịch khách hàng của công ty
-> NĐTNN tham gia vào TTCK Việt Nam thuận lợi, tương tự cách thức NĐTNN hiện đang triển khai tại một số TTCK quốc tế

Giải quyết vấn đề "global brokers"

- (1) Tạo điều kiện thuận lợi cho NĐTNN, đảm bảo các cổ phiếu Việt Nam được cơ cấu trong chỉ số FTSE Emerging
- (2) Tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK

MỤC TIÊU

Không yêu cầu CBTT khi không thanh toán tiền giao dịch NPF

Đối với NĐTNN vi phạm giao dịch NPF

Không được tiếp tục thực hiện giao dịch NPF trong khoảng thời gian nhất định (NĐTNN không được giao dịch NPF trong 07 ngày giao dịch liên tục đối với vi phạm lần đầu và 180 ngày liên tục đối với việc vi phạm xảy ra trong 30 ngày giao dịch liên tục trong đó có 03 ngày vi phạm thanh toán).

Báo cáo UBCKNN, VSDC, VNX ngay trong ngày phát sinh vi phạm nghĩa vụ thanh toán (không CBTT trên thị trường).

Nguồn: UBCKNN ([Link](#)), BSC Research tổng hợp

Ngân hàng lưu ký (tổ chức mở tài khoản)

Luồng xử lý

- (1) Cổ phiếu sẽ chuyển về tài khoản tự doanh của CTCK khác
- (2) Đồng thời cho phép CTCK khác được bán trên hệ thống giao dịch chứng khoán số cổ phiếu đó như trường hợp CTCK nhận quyền sở hữu chứng khoán do NĐTNN là tổ chức không thực hiện nghĩa vụ thanh toán

Không giới hạn mã cổ phiếu giao dịch NPF

Giải quyết vấn đề CTCK mua lại cổ phiếu, sở hữu chéo

Theo quy định, Khi NĐTNN không thực hiện nghĩa vụ thanh toán sẽ chuyển quyền sở hữu cổ phiếu về tài khoản tự doanh của CTCK có thể dẫn đến vi phạm quy định: (1) mua lại cổ phiếu tại khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán; (2) về sở hữu chéo tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và (3) pháp luật tại các Tổ chức tín dụng -> Thông tư 08 đã bổ sung quy định để giải quyết vấn đề này dựa trên hợp đồng thỏa thuận với CTCK khác về nhận chuyển quyền sở hữu với số cổ phiếu

VNX

Thông báo cho các CTCK về việc NĐTNN là tổ chức phải có đủ tiền trên tài khoản lưu ký khi đặt lệnh mua cổ phiếu trong thời gian nhà đầu tư đó không được giao dịch NPF

Phía CTCK



Bảng đánh giá các điều kiện theo phân loại của FTSE đối với các quốc gia châu Á (T09/2025)



FTSE QUALITY OF MARKETS CRITERIA (ASIA PACIFIC) as at September 2025

CRITERIA	DEV	COUNTRY NAMES																						
		Australia	Hong Kong	Japan	New Zealand	Singapore	South Korea	ADV EMG	Malaysia	Taiwan	Thailand	SEC EMG	China*	India	Indonesia	Philippines	SEC EMG WATCH	FRONT	Bangladesh	Mongolia	Pakistan	Sri Lanka	Vietnam**	China A via QFII-
World Bank GNI Per Capita Rating (Atlas Method)		High	High	High	High	High	High		Upper Middle	High	Upper Middle		Upper Middle	Lower Middle	Upper Middle	Lower Middle			Lower Middle	Upper Middle	Lower Middle	Lower Middle	Lower Middle	Upper Middle
Credit Worthiness		Investment	Investment	Investment	Investment	Investment	Investment		Investment	Investment	Investment		Investment	Investment	Investment	Investment			Speculative	Speculative	Highly Speculative	Highly Speculative	Speculative	Investment
Market and Regulatory Environment																								
Formal stock market regulatory authorities actively monitor market (e.g. SEC, FSA, SFC)	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	Pass	X	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass
Fair and non-prejudicial treatment of minority shareholders	X	Pass	Restricted	Pass	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Restricted		Not Met	Restricted	Restricted	Restricted			Restricted	Pass	Pass	Restricted	Restricted	Not Met
No or selective incidence of foreign ownership restrictions	X	Pass	Pass	Restricted	Pass	Pass	Restricted	X	Restricted	Restricted	Restricted		Not Met	Restricted	Pass	Restricted			Pass	Pass	Pass	Pass	Restricted	Not Met
No objection to or significant restrictions or penalties applied to the investment of capital or the repatriation of capital and income	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	Pass	X	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Restricted
No or simple registration process for foreign investors	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Restricted	X	Restricted	Pass	Pass		Pass	Not Met	Pass	Pass			Restricted	Restricted	Restricted	Restricted	Restricted	Not Met
Foreign Exchange Market																								
Developed foreign exchange market	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Restricted	X	Restricted	Restricted	Restricted		Not Met	Not Met	Restricted	Restricted			Not Met	Restricted	Restricted	Not Met	Restricted	Not Met
Equity Market																								
Brokerage - Sufficient competition to ensure high quality broker services	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	Pass	X		Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Restricted
Transaction costs - implicit and explicit costs to be reasonable and competitive	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	Not Met	X		Pass	Not Met	Pass	Not Met	Pass	Pass
Tax - imposition of taxes to be reasonable and comparable between domestic and non-domestic investors	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Restricted	Pass		Pass	Not Met	Pass	Pass			Not Met	Pass	Not Met	Pass	Pass	Pass
Stock Lending is permitted	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Restricted		Restricted	Restricted	Restricted		Not Met	Restricted	Restricted	Restricted			Not Met	Not Met	Restricted	Not Met	Restricted	Not Met
Short sales permitted	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Restricted		Restricted	Restricted	Pass		Not Met	Restricted	Restricted	Restricted			Not Met	Not Met	Restricted	Not Met	Not Met	Not Met
Developed Derivatives Market	X	Pass	Pass	Pass	Restricted	Pass	Pass		Restricted	Pass	Restricted		Not Met	Restricted	Not Met	Not Met			Not Met	Not Met	Not Met	Not Met	Restricted	Not Met
Off-exchange transactions permitted	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Restricted		Pass	Restricted	Pass		Not Met	Not Met	Pass	Pass			Restricted	Not Met	Pass	Not Met	Not Met	Not Met
Efficient trading mechanism	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Restricted	X	Pass	Pass	Pass		Restricted	Restricted	Pass	Pass			Restricted	Pass	Pass	Restricted	Restricted	Restricted
Transparency - market depth information / visibility and timely trade reporting process	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	Pass	X	X	Restricted	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass
Clearing, Settlement and Custody																								
Settlement - costs associated with failed trades	X	Pass	Restricted	Pass	Pass	Restricted	Pass	X	Restricted	Pass	Restricted	X	Restricted	Restricted	Not Met	Pass	X	X	Pass	Pass	Restricted	Pass	Pass	Pass
Settlement Cycle (DvP)	X	T+2	T+2	T+2	T+2	T+2	T+2	X	T+2	T+2	T+2	X	T+0/T+1 (DvP)	T+1	T+2	T+2	X	X	T+1, T+2	T+2	T+2	T+2	T+2	T+0
Central Securities Depository	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	Pass			Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass
Central Counterparty Clearing House (Equities)	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass		Pass	Pass	Pass	Pass			Pass	Pass	Pass	Pass	Not Met	Pass
Settlement - Free delivery available	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Restricted		Restricted	Restricted	Pass		Not Met	Not Met	Restricted	Restricted			Not Met	Restricted	Restricted	Not Met	Not Met	Not Met
Custody-Sufficient competition to ensure high quality custodian services	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	X	Pass	Pass	Pass	Pass	X		Pass	Not Met	Pass	Pass	Pass	Pass
Account structure operating at the Custodian level (securities and cash)	X	Pass	Pass	Pass	Pass	Pass	Restricted		Restricted	Not Met	Pass		Restricted	Not Met	Restricted	Restricted			Not Met	Restricted	Not Met	Not Met	Not Met	Not Met

**Vietnam to be reclassified from Frontier to Secondary Emerging market status, effective from Monday 21 September 2026, subject to an interim review in March 2026.

Shading indicates a rating change from March 2025

*Includes China A Shares (via NorthBound Stock Connect Scheme Buy-and-Sell-List), B Shares, H Shares, Red Chips, P Chips, S Chips and N Shares. The Settlement Cycle for China A Shares via Stock Connect is reflected in the matrix with T+0 for Sells and T+1 for Buys with DvP

~Other China A access routes - currently Unclassified



FTSE GEIS coverage and modularity

FTSE GLOBAL SMALL CAP

\$8.1 trillion net market cap
19,222 stocks

FTSE ALL-WORLD*

\$78.6 trillion net market cap
4,230 large & mid cap stocks

FTSE GLOBAL MICRO CAP

\$1.6 trillion net market cap
9,170 stocks

FTSE GLOBAL ALL CAP

\$86.7 trillion net market cap
10,113 large, mid & small cap stocks

FTSE DEVELOPED TOTAL CAP

\$79.1 trillion net market cap
11,106 large, mid, small & micro cap stocks

FTSE EMERGING TOTAL CAP

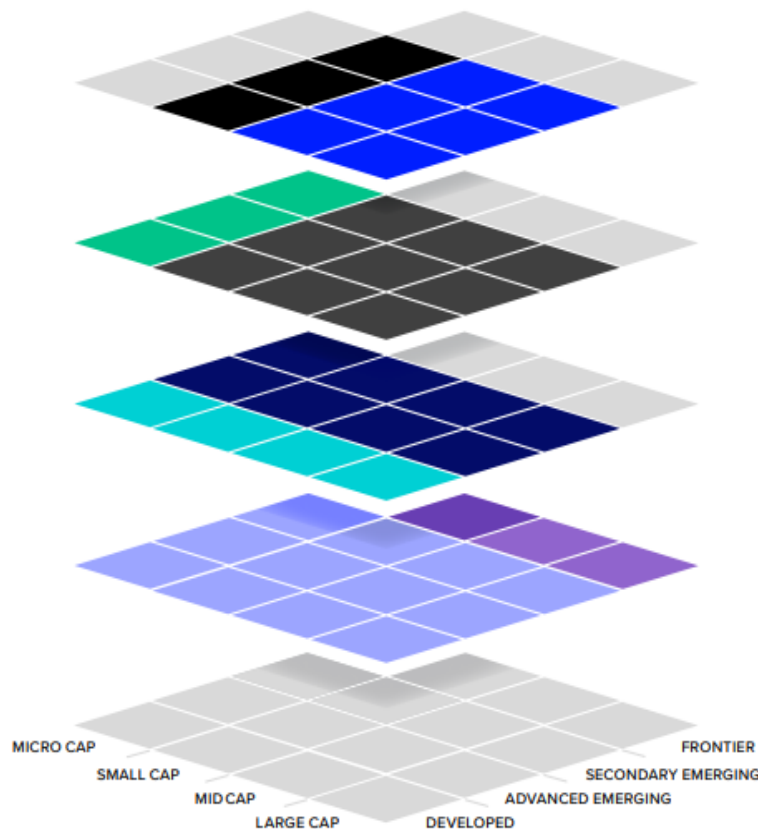
Advanced and Secondary
\$9.2 trillion net market cap
8,116 large, mid, small & micro cap stocks

FTSE FRONTIER*

\$104.3 billion net market cap
267 large, mid & small cap stocks

FTSE GLOBAL TOTAL CAP

\$88.3 trillion net market cap
19,222 large, mid, small & micro cap stocks



Source: FTSE Russell, data as of March 24, 2025 market open.

* The FTSE Frontier Index Series is maintained separately from FTSE GEIS.

Nguồn: [FTSE](#), CTCK BIDV (BSC) tổng hợp

FTSE GEIS headline indices

Index	FTSE Global Total Cap	FTSE Global All Cap	FTSE All-World	FTSE Global Small Cap	FTSE Global Small/Micro Cap	FTSE Global Micro Cap
Included cap segments	Large, Mid, Small, Micro	Large, Mid and Small	Large and Mid	Small	Small and Micro	Micro
% of FTSE Global Total Cap Index	100%	98%	88%	9%	11%	2%
Net Mcap (USDt)	88.3	86.7	78.6	8.1	9.6	1.6
Number of markets	49	49	49	49	49	49
Developed	25	25	25	25	25	25
Emerging	24	24	24	24	24	24
Advanced Emerging	10	10	10	10	10	10
Secondary Emerging	13	13	13	13	13	13
Number of constituents	19,222	10,052	4,230	5,822	14,992	9,170
Developed	11,106	5,465	1,977	3,488	9,129	5,641
Emerging	8,116	4,587	2,334	2,334	5,863	3,529
Advanced Emerging	3,081	1,233	522	709	2,557	1,848
Secondary Emerging	5,035	3,354	1,729	1,625	3,306	1,681

Source: FTSE Russell, data as of March 24, 2025 market open, indicative index review effective March 24, 2025.

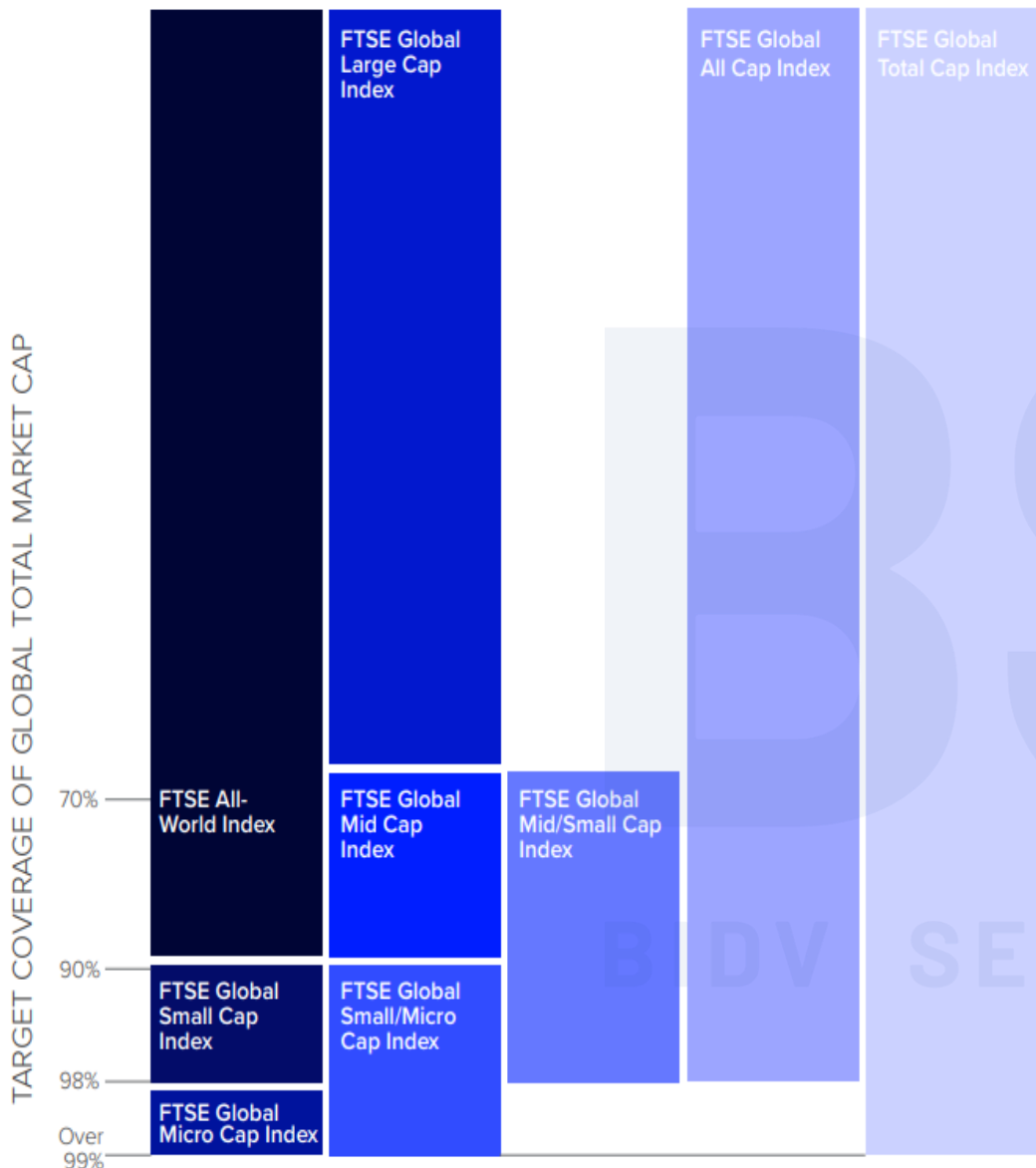
FTSE GEIS

Data-driven classification at a granular level.

MARKET STATUS		SIZE		STYLE		SECTOR (ICB®)	
Developed	Advanced Emerging	Large	Mid	Growth	Value	Industries	Sectors
Secondary Emerging	Frontier	Small	Micro	Defensive	Dynamic	Supersectors	Subsectors

Phân loại các bộ chỉ số đầu tư vốn cổ phần FTSE GEIS

FTSE global equity indices cover large, mid, small and micro-cap size segments



FTSE All-World Index combines the large and mid components of FTSE GEIS to target coverage of approximately 90% of the global investable equity universe

FTSE Global Large Cap Index comprises the large cap stocks in the global investable equity universe

FTSE Global Mid Cap Index comprises the mid cap stocks in the global investable equity universe

FTSE Global Small Cap Index includes companies that represent approximately the smallest 10% of the total market cap of the global investable equity universe

FTSE Global Micro Cap Index extends target coverage of FTSE GEIS from 98% to over 99% of the global investable equity universe

FTSE Global Small/Micro Cap Index combines the FTSE Global Micro Cap and FTSE Global Small Cap Indices

FTSE Global Mid/Small Cap Index combines the FTSE Global Small Cap Index and the FTSE Global Mid Cap Index

FTSE Global All Cap Index combines the FTSE Global Small Cap Index with the FTSE All-World Index (large and mid cap) to target coverage of approximately 98% of the global investable equity universe

FTSE Global Total Cap Index combines the large, mid, small, and micro cap components of FTSE GEIS to provide the broadest global equity coverage available

Country/Market Breakdown

Country/Market	FTSE All-World			FTSE Developed			FTSE Emerging		
	No. of Cons	Net MCap (USDm)	Wgt %	No. of Cons	Net MCap (USDm)	Wgt %	No. of Cons	Net MCap (USDm)	Wgt %
Australia	103	1,515,032	1.65	103	1,515,032	1.84	-	-	-
Austria	8	61,434	0.07	8	61,434	0.07	-	-	-
Belgium	13	212,925	0.23	13	212,925	0.26	-	-	-
Brazil	70	387,036	0.42	-	-	-	70	387,036	4.11
Canada	78	2,638,598	2.88	78	2,638,598	3.21	-	-	-
Chile	20	54,037	0.06	-	-	-	20	54,037	0.57
China	1248	3,358,802	3.67	-	-	-	1248	3,358,802	35.67
Colombia	5	12,476	0.01	-	-	-	5	12,476	0.13
Czech Rep.	4	15,046	0.02	-	-	-	4	15,046	0.16
Denmark	17	365,834	0.40	17	365,834	0.45	-	-	-
Egypt	1	4,869	0.01	-	-	-	1	4,869	0.05
Finland	14	210,930	0.23	14	210,930	0.26	-	-	-
France	62	2,104,082	2.30	62	2,104,082	2.56	-	-	-
Germany	66	1,917,625	2.09	66	1,917,625	2.33	-	-	-
Greece	29	71,075	0.08	-	-	-	29	71,075	0.75
Hong Kong	67	463,774	0.51	67	463,774	0.56	-	-	-
Hungary	6	30,294	0.03	-	-	-	6	30,294	0.32
Iceland	8	7,830	0.01	-	-	-	8	7,830	0.08
India	270	1,731,809	1.89	-	-	-	270	1,731,809	18.39
Indonesia	39	112,255	0.12	-	-	-	39	112,255	1.19
Ireland	5	64,330	0.07	5	64,330	0.08	-	-	-
Israel	37	213,850	0.23	37	213,850	0.26	-	-	-
Italy	37	699,033	0.76	37	699,033	0.85	-	-	-
Japan	489	5,220,373	5.70	489	5,220,373	6.36	-	-	-
Korea	152	1,122,475	1.23	152	1,122,475	1.37	-	-	-
Kuwait	9	76,690	0.08	-	-	-	9	76,690	0.81
Malaysia	39	149,073	0.16	-	-	-	39	149,073	1.58
Mexico	37	213,530	0.23	-	-	-	37	213,530	2.27
Netherlands	28	930,901	1.02	28	930,901	1.13	-	-	-
New Zealand	12	49,899	0.05	12	49,899	0.06	-	-	-
Norway	15	118,886	0.13	15	118,886	0.14	-	-	-
Philippines	24	43,873	0.05	-	-	-	24	43,873	0.47
Poland	10	80,830	0.09	10	80,830	0.10	-	-	-
Portugal	5	40,798	0.04	5	40,798	0.05	-	-	-
Qatar	18	75,016	0.08	-	-	-	18	75,016	0.80
Romania	7	13,653	0.01	-	-	-	7	13,653	0.14
Saudi Arabia	70	357,156	0.39	-	-	-	70	357,156	3.79
Singapore	35	293,768	0.32	35	293,768	0.36	-	-	-
South Africa	41	366,790	0.40	-	-	-	41	366,790	3.90
Spain	23	717,141	0.78	23	717,141	0.87	-	-	-
Sweden	53	642,231	0.70	53	642,231	0.78	-	-	-
Switzerland	54	1,836,664	2.01	54	1,836,664	2.24	-	-	-
Taiwan	130	1,945,121	2.12	-	-	-	130	1,945,121	20.66
Thailand	44	134,169	0.15	-	-	-	44	134,169	1.42
Turkiye	115	85,699	0.09	-	-	-	115	85,699	0.91
UAE	37	170,331	0.19	-	-	-	37	170,331	1.81
UK	95	3,005,924	3.28	95	3,005,924	3.66	-	-	-
USA	505	57,803,024	62.92	505	57,803,024	70.14	-	-	-
Totals	4254	91,546,991	100.00	1983	82,130,360	100.00	2271	9,416,631	100.00

Nguồn: FTSE, CTCK BIDV (BSC) tổng hợp

Vietnam – Interim Update on Market Developments and Implementation Timeline

As part of the March 2026 FTSE Equity Country Classification interim review, the FTSE Russell Index Governance Board has assessed the latest developments in Vietnam’s equity market ecosystem in relation to the planned reclassification of Vietnam from Frontier to Secondary Emerging market status in September 2026.

Progress on Global Broker Access

Since the September 2025 annual review, Vietnam has continued to advance the development of the Global Broker model. Circular 08/2026/TT-BTC formally establishes the model and introduces supporting enhancements to the non-prefunding (NPF) framework. Regulatory bodies, onshore and global brokers, custodians, and buy-side firms have aligned on the key operational components needed for implementation, with the remaining work focused on finalising bilateral agreements between global and local brokers. FTSE Russell notes that Vietnam has demonstrated sufficient progress ahead of the planned reclassification in September 2026.

Confirmation of Reclassification Timeline

The FTSE Russell Index Governance Board confirms that it is satisfied with the progress made towards implementing the global broker model, which is essential to support index replication, and therefore Vietnam remains scheduled for implementation from Frontier to Secondary Emerging market status effective Monday 21 September 2026.

Phased Implementation Approach

To support an orderly transition and accommodate local market capacity considerations, Vietnam's inclusion in FTSE Russell's global equity indices will be implemented in multiple tranches, beginning in September 2026 and concluding in 2027.

Further details, including index-level impacts, tranche mechanics and technical parameters, are published in a separate Vietnam Reclassification FAQ and Implementation Plan (see link: [Reclassification of Vietnam from Frontier to Secondary Emerging Market Status - FAQ](#)).

FTSE Equity Country Classification – Interim Review Announcement – April 2026

The table below shows the markets classified within the FTSE Equity Country Classification scheme as at 07 April 2026:

Developed	Advanced Emerging	Secondary Emerging	Frontier
Australia	Brazil	Chile	Bahrain
Austria	Czech Republic	China	Bangladesh
Belgium/Luxembourg	Greece*	Colombia	Botswana
Canada	Hungary	Egypt	Bulgaria
Denmark	Malaysia	Iceland	Côte d'Ivoire
Finland	Mexico	India	Croatia
France	South Africa	Indonesia	Cyprus
Germany	Taiwan	Kuwait	Estonia
Hong Kong	Thailand	Philippines	Ghana
Ireland	Turkiye	Qatar	Jordan
Israel		Romania	Kazakhstan
Italy		Saudi Arabia	Kenya
Japan		United Arab Emirates	Latvia
Netherlands			Lithuania
New Zealand			Malta
Norway			Mauritius
Poland			Mongolia
Portugal			Morocco
Singapore			Oman
South Korea			Pakistan
Spain			Palestine
Sweden			Peru
Switzerland			Republic of North Macedonia
UK			Serbia
USA			Slovak Republic
			Slovenia
			Sri Lanka
			Tanzania
			Tunisia
			Vietnam**

*Greece to be reclassified from Advanced Emerging to Developed market status, effective from Monday 21 September 2026.

**Vietnam to be reclassified from Frontier to Secondary Emerging market status, effective from Monday 21 September 2026.

FTSE Emerging Index

FTSE Frontier Index

Country/Market Breakdown

Country/Market	No. of Cons	Net MCap (USDm)	Wgt %
Brazil	68	492,143	5.26
Chile	21	68,436	0.73
China	1275	2,915,871	31.14
Colombia	6	23,321	0.25
Czech Rep.	4	14,496	0.15
Egypt	2	6,608	0.07
Greece	30	69,587	0.74
Hungary	6	37,063	0.40
Iceland	7	6,976	0.07
India	272	1,499,820	16.02
Indonesia	39	99,061	1.06
Kuwait	8	71,451	0.76
Malaysia	38	161,701	1.73
Mexico	34	234,183	2.50
Philippines	23	43,239	0.46
Qatar	17	66,602	0.71
Romania	6	13,211	0.14
Saudi Arabia	64	351,161	3.75
South Africa	41	395,331	4.22
Taiwan	132	2,380,641	25.42
Thailand	44	154,900	1.65
Turkiye	115	100,526	1.07
UAE	34	158,185	1.69
Totals	2286	9,364,512	100.00

Country/Market Breakdown

Country/Market	No. of Cons	Net MCap (USDm)	Wgt %
Bahrain	1	331	0.20
Bangladesh	41	5,255	3.23
Croatia	8	1,662	1.02
Estonia	6	1,245	0.76
Ivory Coast	7	1,918	1.18
Jordan	10	5,941	3.65
Kazakhstan	7	9,767	6.00
Kenya	11	6,764	4.15
Lithuania	4	1,254	0.77
Mongolia	1	109	0.07
Morocco	37	25,815	15.85
Occupied Palestinian Territory	1	152	0.09
Oman	14	17,622	10.82
Pakistan	58	14,085	8.65
Peru	8	11,532	7.08
Slovenia	5	5,020	3.08
Sri Lanka	19	2,700	1.66
Tunisia	9	1,480	0.91
United Republic Of Tanzania	1	1,477	0.91
Vietnam	129	48,767	29.94
Totals	377	162,893	100.00